

a. Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu môi trường lao động và sức khỏe của người lao động tại Công ty sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa năm 2009-2010

b. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và Môi trường Đồng Nai

c. Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ và người tham gia chính

Chủ nhiệm nhiệm vụ: BS. CKII TRẦN TRUNG THUẬN

Người tham gia chính: KS. Ngô Thị Hiền, CNKH Thạch Ngọc Thâu, KS. Vy Kim Phụng, KS. Trần Chí Thành, KS. Đặng Ngọc Hoàng, KS. Đào Ngọc Bích, KS. Nguyễn Đình Quang

d. Mục tiêu của nhiệm vụ:

1. Đánh giá một số yếu tố môi trường lao động tại các phân xưởng tại Công ty sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.
2. Tìm hiểu tình hình sức khỏe, bệnh tật của người lao động tại Công ty sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.
3. Xác định các yếu tố liên quan đến sức khỏe, bệnh tật của người lao động tại Công ty sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.

đ. Kết quả thực hiện:

1. Một số yếu tố môi trường lao động tại Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa năm 2010

1.1. Các yếu tố vật lý

- Yếu tố nhiệt độ có 66,1% mẫu đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.
- Yếu tố độ ẩm có 93,55% mẫu đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.
- 100% mẫu đo vận tốc gió đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.
- 50% vị trí lao động có tiếng ồn đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.
- 37,5% vị trí đo có mức rung vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

1.2. Các yếu tố hoá học

- 21,9% vị trí lao động có nồng độ bụi hô hấp toàn phần không đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.
- 30,2% vị trí lao động có nồng độ bụi hô hấp không đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.
- 100% vị trí lao động có nồng độ hơi khí độc đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

2. Tình hình sức khỏe, bệnh tật của người lao động.

2.1. Phân loại thể lực và sức khỏe

- Thể lực loại 1: 60,8%; loại 2: 25,7%; loại 3: 9,5%; loại 4: 3,5% và loại 5: 0,5%.
- Sức khỏe loại 1: 2,2%. loại 2: 29,2%, loại 3: 37,4%, loại 4: 21,7%, loại 5: 9,5%.

2.2. Tình hình bệnh tật

2.2.1. Các bệnh thông thường

- 33,7% người lao động không có bệnh; 43,4% người lao động mắc một bệnh và 22,9% mắc từ hai bệnh trở lên.
- Tỷ lệ mắc các bệnh thông thường: bệnh về răng hàm mặt 43,4%; bệnh tiêu hóa 22,9%, bệnh về tuần hoàn 21,1%, bệnh tai mũi họng 16,7%, bệnh về hệ vận động - ngoại khoa 8,2%, các bệnh tiết niệu 6,0%, bệnh hô hấp 5,4%, các bệnh về mắt 2,9%, các bệnh da 2,9% và các bệnh nội tiết 1,7%.

2.2.2. Bệnh nghề nghiệp

- 14,6% người lao động bị rối loạn chức năng hô hấp, trong đó:

- Hội chứng hạn chế 11,1%,
- Hội chứng tắc nghẽn 2,6%.
- Hội chứng hỗn hợp 0,9% .

- 2,3% người lao động mắc bệnh bụi phổi silic.

- 5,4% người lao động bị giảm thính lực.

- 1,8% người lao động bị mắc bệnh điếc nghề nghiệp.

3. Những yếu tố liên quan.

- Có mối liên quan giữa rối loạn chức năng hô hấp với thành phần lao động, với tuổi đời, tuổi nghề và việc sử dụng khẩu trang ($p < 0,05$),

- Có mối liên quan giữa giảm thính lực với tuổi đời, có tiếp xúc tiếng ồn và việc xử dụng nút tai chống ồn ($p < 0,05$).

- Tỷ lệ mắc bệnh bụi phổi silic cao nhất ở nhóm có tuổi nghề 16-20 năm (8,5%).

e. Thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc: 4/2010 đến tháng 12/2011

g. Kinh phí thực hiện: 249.406.960 đồng